

CHƯƠNG III LUẬT TÁI SINH LUÂN HỒI

Chúa cho linh hồn con người thuê căn nhà của một con thú,
Người thắc mắc “Thế con có thiếu nợ ngài chăng?”
Chúa đáp: “Không đâu, nhưng con phải làm cho nó sạch sẽ hết mức,
Thế rồi ta sẽ cho con thuê một căn nhà tốt đẹp hơn”

TENNYSON

Đã từng một lần trong cả chục ngàn năm hoặc hơn nữa, có một ý tưởng đột nhiên sinh ra trên đời này; giống như một thần Prometheus khác, nó báo điềm một kỷ nguyên mới đang chờ sẵn loài người. Trong thế kỷ mà ta vừa trải qua, một ý tưởng như thế đã ra đời, đó là một quan niệm đứng đầu mọi quan niệm tức khái niệm Tiến hóa. Giống như một tia chớp lóe lên trong đêm đen, ánh sáng của nó thâm nhập vào mọi góc ngách từ đó trở đi người ta đã thấy Thiên nhiên hoạt động chứ không chỉ cảm nhận bàn tay phũ phàng của nó. Trong buổi bình minh mờ nhạt của thời gian, một khái niệm khác đã ra đời đó là Luân Hồi.

Luân hồi nghĩa là sống qua nhiều hiện thể liên tiếp thăng lên với những năng lực tư duy và xúc cảm viên mãn và cao thượng hơn; còn Tiến hóa là hình tướng thăng lên trở nên càng ngày càng phức tạp về cấu trúc; đó chẳng khác nào bàn tay phải và bàn tay trái của Đấng Hóa Công đang định hình thế giới. Câu đố về vũ trụ chẳng qua chỉ mới giải quyết nửa vời theo sự minh giải của chỉ một sự thật nêu trên thôi; khi ta coi hai sự thật nêu trên là không thể tách rời khỏi nhau, sự thật này bổ sung cho sự thật kia, thì bây giờ con người mới tìm ra được một khái niệm tăng trưởng theo sự lớn lên của mình.

Mặc dù, Luân hồi thường được cho là đặc thù đối với hồn người, song thật ra đó là một quá trình ảnh hưởng tới mọi sinh linh trong mọi cơ thể. Sự sống của đóa hoa hồng khi chết đi lại trở về phân bộ “hồn khóm”. *Hoa hồng* rồi lại luân hồi thành một hoa hồng khác; con chó con chết đi lại trở về với “hồn khóm” của loài chó, rồi sau này luân hồi thành chó con của một lứa đẻ khác. Đối với con người thì sự khác nhau duy nhất là lúc chết đi y không trở về với bất kỳ hồn khóm nào, vì y là một tâm thức cá thể và biệt lập; khi luân hồi, y trở về với những năng lực mà mình phát triển được trong những kiếp trước chứ không bị suy giảm do phải chia xẻ chúng với một cá thể khác.

Tuy nhiên theo thông lệ thì từ ngữ Luân hồi bị hạn chế vào quá trình ảnh hưởng tới hồn người, và nó được dùng theo ba nghĩa sau đây:

1.- Khi một đứa trẻ ra đời, Thượng Đế không tạo ra cho nó một linh hồn vào lúc ấy, bởi vì linh hồn đã tồn tại lâu rồi trước đó dưới dạng cá thể ở một tình trạng tâm linh. Lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng linh hồn giáng sinh nơi cơ thể con người. Đây là thuyết tiền-Hữu.

2.- Linh hồn con người đã xuất hiện trong những kiếp trước, đôi khi dưới dạng cơ thể con người, nhưng có khi dưới dạng một con thú hoặc một cái cây; tương tự như vậy, sau khi chết, linh hồn có thể tái sinh thành một con thú hoặc một cái cây trước khi một lần nữa trở lại cư trú trong cơ thể con người. Ta biết ý tưởng này nhiều nhất dưới dạng Chuyển kiếp.

3.- Linh hồn con người trước khi sinh ra thành đứa trẻ đã tồn tại trên trần thế dưới dạng đàn ông hoặc đàn bà chứ không phải dưới dạng một con thú hoặc một cái cây, ngoại trừ trường hợp trước khi “biệt lập ngã tính”, nghĩa là trước khi linh hồn trở thành một thực thể cá biệt, thường tồn, hữu ngã thức; khi chết đi, sau một thời khoảng sinh hoạt ở trạng thái tâm linh, linh hồn lại trở về trần thế dưới dạng đàn ông hoặc đàn bà chứ chẳng bao giờ tái sinh thành cây cỏ hoặc thú vật. Đây là thuyết Luân hồi.

Thông Thiên Học dạy rằng một khi linh hồn đã “biệt lập ngã tính” thành người thì nó không thể tái sinh qua hình tướng loài thú hoặc loài thực vật, và các nhà Thông Thiên Học thời nay chỉ dùng từ ngữ Luân hồi theo nghĩa thứ ba nêu trên. Trong kho tài liệu Thông Thiên Học hiện đại, Luân hồi chẳng bao giờ có nghĩa là tái sinh thành cây cỏ hoặc thú vật, vì nếu một chuyện như vậy có thể xảy ra thì linh hồn ắt chẳng tiến hóa được gì qua một sự thoái hóa như thế.

Vì tác phẩm này là sách giáo khoa về Thông Thiên Học, cho nên ở đây không có chỗ để lập luận bênh vực hoặc chống lại thuyết Luân hồi. Mỗi người điều tra phải tự khám phá cho mình sự thật về Luân hồi bằng cách nghiên cứu và quan sát, cũng giống như mỗi sinh viên khoa học phải khám phá ra quá trình Tiến hóa bằng những phương tiện tương tự. Tiết này sẽ phác họa những định luật chi phối sự luân hồi của linh hồn trong chừng mực mà những định luật này được khám phá qua nghiên cứu về huyền bí học.

Ngay từ đầu ta phải hiểu rõ ai hoặc cái gì luân hồi. Muốn thế ta phải hiểu rõ linh hồn là gì cũng như các hiện thể hoặc công cụ nhận thức của nó là gì. (Hình 28).

CÁC HIỆN THỂ CỦA LINH HỒN				
CỐI TRÍ TUỆ	THƯỢNG TRÍ	THƯỢNG TRÍ là THỂ NGUYÊN NHÂN	TIẾN HOÁ BẰNG	LÝ TƯỢNG <hr/> TƯ TƯỢNG TRUU TƯỢNG
	HẠ TRÍ	HẠ TRÍ là THỂ TRÍ	SUY NGHĨ BẰNG	Ý TƯỢNG <hr/> TƯ TƯỢNG TRUU TƯỢNG
CỐI TRUNG GIỚI		THỂ VÍA	CẢM NHẬN BẰNG	XÚC ĐỘNG <hr/> HAM MUỐN
CỐI HỒNG TRẦN		THỂ XÁC	HÀNH ĐỘNG BẰNG	PHẢN ỨNG GIÁC QUAN <hr/> TÁC ĐỘNG

Hình 28

Hồn người là một Tâm thức cá thể và thường tồn sống trong một hình tướng hoặc cơ thể bằng vật chất vô hình. Cơ thể linh hồn này bao gồm một loại vật chất được gọi là thượng trí thì nghiên cứu Thông Thiên Học hiện đại gọi nó là Thể Nguyên nhân. Hình tướng của nó mang dáng dấp con người, nhưng không có đặc trưng giới tính nam hoặc nữ mà nghiêng về mặt thiên thần theo truyền thuyết. Nó được gọi là Thể Hào quang. Xung quanh nó là một hình giống như trứng vật chất chói sáng rực lửa, thế nhưng tinh tế như những sắc thái phù du của buổi hoàng hôn. Thể Hào quang và hình giống như trứng có vật chất chói sáng bao xung quanh linh hồn là nơi thường trú của linh hồn tức Thể Nguyên nhân; nó được gọi là “nguyên nhân” vì những xung lực cho tư tưởng, xúc cảm và hành động trên mọi cõi tác động của linh hồn đều có nguyên nhân hoặc được tạo ra trong cái trú sở thường trụ ấy của linh hồn. Linh hồn sống mãi không chết trong Thể Nguyên nhân đó. Đối với nó không có sinh, lão, bệnh, tử; nó là một linh hồn bất tử, càng ngày càng tăng trưởng khả năng yêu thương, suy tư và hành động. Nó sống đời vĩnh hằng chỉ để khiến mình thành chuyên gia

trong một bộ môn sinh hoạt nào đấy qua những trải nghiệm mà mình thủ đắc được và nó cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi trợ giúp cho Cơ tiến hóa của Tổ phụ Thiên liêng.

Sự tăng trưởng của linh hồn bắt đầu trước hết các thực nghiệm sinh hoạt trên các cõi thấp hơn cõi là nơi thường trú của mình. Muốn làm như vậy, nó phải luân hồi, nghĩa là,

1.- Nó thu thập vật chất của cõi hạ trí rồi uốn nắn vật chất này thành ra một thể trí giúp nó *suy nghĩ*, nghĩa là chuyển dịch ngoại giới hiện tượng theo kiểu các tư tưởng và qui luật.

2.- Nó thu thập vật chất trung giới rồi uốn nắn vật chất này thành ra thể vía, giúp nó *cảm nhận*, nghĩa là chuyển dịch hiện tượng giới theo kiểu những ham muốn và xúc động cá nhân.

3.- Nó được cung cấp cho một thể xác thích hợp giúp nó *hành động*, nghĩa là khi sử dụng thể xác nó có chuyển dịch thể giới theo kiểu các tính chất vật lý: nặng hoặc nhẹ, nóng hoặc lạnh, di động hoặc bất động v.v. . .

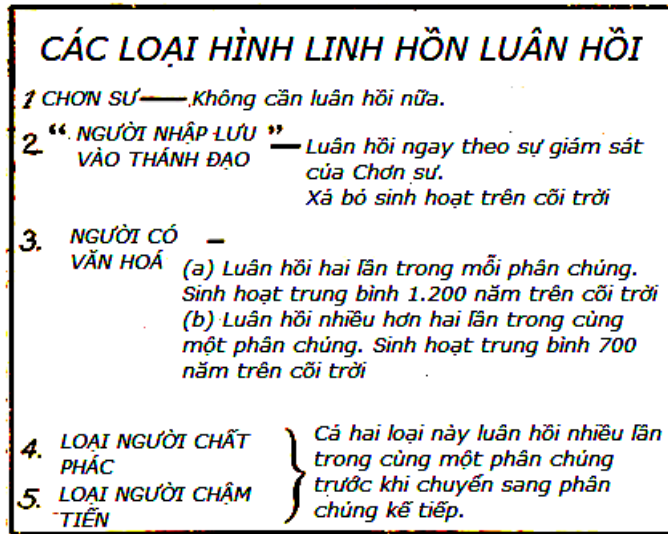
Luân hồi chính là cái quá trình mà linh hồn tiếp quản ba hạ thể. Trong cuộc đời của thể xác, mọi rung động mà dây thần kinh đáp ứng trước hết đều gây ra một phản ứng giác quan nơi bộ óc; thể rồi phản ứng này được thể vía ghi nhận thành ra dễ chịu hoặc khó chịu; kẻ đó thể trí ghi nhận báo cáo của thể vía, chuyển dịch ấn tượng ấy thành ra một tư tưởng, cuối cùng tư tưởng ấy được linh hồn trong Thể Nguyên nhân ghi nhận. Sau đó thông qua thể trí tới thể vía, rồi thông qua thể vía tới óc phàm, linh hồn phóng ra sự đáp ứng của nó đối với những hiện tượng trên cõi trần. Bất cứ lúc nào, khi tâm thức đang hoạt động thì đều có quá trình điện báo này từ Thể Nguyên nhân gửi đi và nhận lại. Sau khi thu hoạch được nhiều ý tưởng như vậy, linh hồn phân tích chúng, lập chúng thành bảng biểu rồi cuối cùng tổng quát hóa mọi kinh nghiệm sống thành ra những lý tưởng cho tư duy và hành động. Vậy là nó đã chuyển hóa hiện tượng giới thành ra những khái niệm vĩnh hằng vốn là một bộ phận của chính nó.

Quá trình trở lại trong việc Luân hồi mà ta gọi là Chết, không gây điều gì khác cho linh hồn trong Thể Nguyên nhân. Trước hết thể xác bị dẹp bỏ khiến cho không thể đáp ứng được nữa với các hiện tượng trên cõi trần thông qua nó. Nhưng linh hồn vẫn còn ở trong thể trí và thể vía. Kế đó, thể vía cũng bị dẹp bỏ và linh hồn không còn chú ý tới các hiện tượng trên trung giới nữa mà chỉ quan sát thể giới thuộc cõi hạ trí thôi. Cuối cùng chính thể trí cũng bị vứt bỏ và linh hồn hoàn toàn đích thân ở trong Thể Nguyên nhân và không còn chiếm hữu bất kỳ hạ thể nào nữa (xem chương VI - “Con người lúc còn Sống và khi Chết). Có thể nói một lần nữa, nó đã trở về nhà, mặc dù thật ra nó chưa bao giờ rời bỏ nơi thường trú ấy; chẳng qua nó chỉ tập trung một phần tâm thức của mình và ý chí của mình thông qua các hiện thể bằng vật chất cõi thấp, thế là thiên hạ bảo nó Luân hồi. Nó sử dụng các hiện thể trong một thời khoảng dài ngắn tùy ý và khi không còn cần tới chúng nữa thì nó vứt bỏ chúng đi. Cái mà ta gọi là sống và chết thì đối với linh hồn chỉ là việc phóng một phần tâm thức của mình xuống cõi thấp rồi một lần nữa triệt thoái nó lên các cõi cao.

Phương pháp nghiên cứu luật Luân hồi là quan sát các linh hồn khi chúng sinh ra trong các thể xác, khi chúng sinh hoạt trong đó, khi chúng vứt bỏ thể xác vào lúc chết, khi chúng sau này cũng phải giải thoát khỏi thể vía và thể trí, và khi chúng rút cuộc hoàn toàn đích thân ở trong Thể Nguyên nhân. Mọi diễn biến của quá trình này đều được ghi lại trong Ký ức của Thượng Đế và người điều tra nào có thể tiếp xúc với Ký ức ấy đều có thể quan sát quá trình luân hồi của bất kỳ linh hồn nào theo thời gian.

Việc khảo cứu bằng phương pháp này đã được thực hiện và ta đã thu thập được đủ dữ kiện để có thể suy diễn ra các qui luật. Sự kiện quan trọng nhất trong việc Luân hồi là các qui luật của nó khác nhau đối với các loại hình linh hồn khác nhau. Vào bất cứ thời kỳ nào cho sẵn, thì mọi linh hồn đều không có đồng đều năng lực vì một số là linh hồn già dặn còn

một số là linh hồn non trẻ. (Tại sao lại có sự chênh lệch tuổi tác này thì ta sẽ giải thích hợp ở Chương VII về Sự tiến hóa của Loài thú). Mục đích của Luân hồi là giúp cho linh hồn mình triết hơn và hoàn hảo hơn sau khi trải nghiệm trong mỗi kiếp nhập thể; nhưng người ta phát hiện thấy rằng trong khi có linh hồn đủ khả năng học hỏi nhanh chóng từ một kinh nghiệm thì lại có linh hồn khác học cực kỳ chậm chạp và cần có mỗi kinh nghiệm được lặp đi lặp lại mãi. Sự khác nhau về năng lực đồng hóa kinh nghiệm này là do sự khác nhau về tuổi tác của hai linh hồn và tùy theo những sự khác biệt ấy, linh hồn tự nhiên được chia thành năm lớp rộng lớn sau đây như trong Hình 29.



Hình 29

Các linh hồn trẻ nhất là những linh hồn chưa thể kiểm soát được bản chất ham muốn thô tục và dữ dội của mình vì thiếu năng lực trí tuệ; trên thế giới ngày nay các linh hồn này xuất hiện dưới dạng những giống dân dã man và bán khai, cũng như những cá thể lạc hậu hoặc có đầu óc tội phạm sống trong các cộng đồng văn minh (Loại Hình số 5). Tiến hóa một chút và cũng già dặn hơn một chút là những linh hồn đã vượt qua giai đoạn dã man nhưng vẫn còn chất phác, thiếu óc tưởng tượng và thiếu sáng kiến (Loại Hình số 4). Hai lớp người này bao gồm trên 90 % nhân loại.

Rồi tới những linh hồn tiên tiến hơn và có văn hóa thuộc mọi giống dân, chân trời tri thức của họ không hoàn toàn bị hạn chế vào gia đình hoặc quốc gia, họ khao khát lý tưởng hoàn thiện và nhắm mục đích thành tựu nó một cách có ý thức (Loại Hình số 3). Còn ít hơn nữa là những linh hồn đã phát hiện ra được rằng ý nghĩa của cuộc đời là xả thân và tận hiến, phải nhập lưu vào “Thánh đạo” và đang định hình tương lai của mình một cách có ý thức (Loại Hình số 2) và giống như những nụ hoa hiếm có trên cái cây Nhân loại, ta có các Thánh sư, Chơn sư Minh triết, các Huynh trưởng đại hùng của Nhân loại vốn là Bóng dáng của Thượng Đế trên cõi trần, các ngài dẫn dắt cơ tiến hóa theo Thiên cơ (Loại Hình số 1).

Luân hồi diễn ra trong các phân chúng thuộc Căn chúng mà ta đã nghiên cứu ở chương vừa qua; nhưng trước khi xét tới các qui luật của nó, thoát tiên ta phải loại trừ hai lớp người không chịu sự chi phối của qui luật ấy, đó là các Chơn sư và những đệ tử “nhập lưu”. Chơn sư không cần luân hồi nữa, ngài đã thu thập được mọi kinh nghiệm mà nền văn minh có thể cung ứng cho ngài; ngài “đã tạo ra chủ đích thông qua điều khiến ngài trở thành chơn non”. Mặc dù ngài đã trở thành “một cột trụ trong đền thờ Thượng Đế” và “sẽ không đi ra

ngoài nữa”, thế nhưng nhiều Chơn sư vẫn luân hồi trong nhân quần để trở thành một Đạo sư và Tiếp dẫn Đạo sư giúp cho nhân loại hiệp nhất với Thượng Đế. Khi Chơn sư giáng sinh thì ngài chọn lựa nơi chốn và thời điểm mà ngài ra đời, vì ngài hoàn toàn làm chủ được số phận của mình.

Những đệ tử “nhập lưu” là các đệ tử của Chơn sư Minh triết; sau khi từ trần họ thường luân hồi chỉ nội trong vài tháng hoặc vài năm mà không vứt bỏ thể trí và thể vía như thông lệ trước khi tái sinh. Theo thông lệ thì sau khi thể xác chết, linh hồn sinh hoạt một thời kỳ ngắn trên cõi trung giới, thế rồi sau khi vứt bỏ thể vía nó trải qua nhiều thế kỷ trên cõi hạ trí. Cõi hạ trí này là Cõi trời Sắc giới (kho tài liệu Thông Thiên Học thường gọi nó là cõi Devachan), ở đó nó sống trở lại những ao ước và hoài bão khi còn sinh hoạt trên cõi trần, nhưng giờ đây mọi hạnh phúc mà nó mong ước đều hoàn toàn biến thành hiện thực. Vậy là nó trải qua nhiều thế kỷ hoạt động hạnh phúc cho đến khi các lực hoài bão ấy đã xả hết ra thì linh hồn mới vứt bỏ thể trí. Lúc bấy giờ nó mới chấm dứt việc nhập thể và đích thân nó chỉ ở trong Thể Nguyên nhân thôi với mọi kinh nghiệm đều được chuyển hóa ra thành lý tưởng và năng lực. Nhưng vì nó vẫn còn làm nhiều điều để tự hoàn thiện mình, cho nên nó luân hồi trở lại, khoác lấy ba hạ thể mới: thể trí, thể vía và thể xác.

Một ngoại lệ đối với thông lệ này trong cơ tiến hóa là trường học đệ tử “nhập lưu”; y xả bỏ nhiều thế kỷ hạnh phúc mà mình có thể hưởng thụ trên cõi trời, vì y nôn nóng muốn tiếp tục công trình của Chơn sư trên cõi trần, do đó y xả bỏ hạnh phúc lẽ ra mình đáng được hưởng để làm việc phụng sự cho nhân loại. Chơn sư chọn cho y nơi chốn và thời điểm ra đời, y tái sinh mang theo thể vía và thể trí trong tiền kiếp chỉ khoác lấy một thể xác mới thôi.

Luật Luân hồi áp dụng cho những linh hồn chưa phải là đệ tử hoặc Chơn sư có thể được suy diễn khi ta phân tích các sự kiện trong Hình 30 tới 33. Các sơ đồ này trình bày dưới dạng bảng biểu những sự kiện liên quan tới tiền kiếp của bốn cá nhân ^[1].

^[1] Bốn cá nhân A, B, C, D này lần lượt là các chơn ngã nhân vật chính mang tên *Sirius*, *Orion*, *Alcyone* và *Erato* trong tác phẩm “Các tiền kiếp của Alcyone”. Nói cho thật đúng ra thì Sirius và Alcyone không còn thuộc về lớp 3 trong Hình 29 nữa, vì hiện nay họ “đã nhập lưu”. Nhưng vì họ chỉ mới nhập lưu gần đây - trong trường hợp Sirius nhập lưu ở kiếp nhập thể người Hy Lạp năm 524 trước Công Nguyên; còn trường hợp Alcyone nhập lưu năm 1910 sau Công nguyên - cho nên cuộc đời của họ có lẽ tiêu biểu cho lớp 3.

ĐỐI TƯỢNG A - 20 KIẾP VỮA QUA					
TUỔI THO TRUNG BÌNH TRÊN CÕI TRẦN 60 TUỔI RƯỢT THỜI GIAN TRUNG BÌNH GIỮA 2 KIẾP NHẬP THỂ 1208 NĂM 1/4					
NĂM SINH	NƠI SINH	GIỐNG ĐÀN	GIỚI TÍNH	TUỔI THO	Giữa hai kiếp sống
Trước Công nguyên 23650	BẮC MỸ	ĐX. 1	NAM	56	929
22665	BẮC MỸ	- 2	-	64	1135
21466	POSEIDONIS	- 3	"	84	1826
19556	BACTRIA	- 4	"	71	1276
18209	BẮC PHI	- 5	"	69	1266
16874	POSEIDONIS	- 6	NỮ	51	1041
15782	THẤT ĐẤT	- 7	"	85	1167
14530	CANADA	- 1	"	57	813
13654	POSEIDONIS	- 2	NAM	54	1505
12095	PERU	- 3	"	82	2238
9775	TRUNG HOA	- 4	"	14	143
9618	POSEIDONIS	- 5	NỮ	54	1262
8302	ETRURIA	- 6	"	44	1241
7017	AI CẬP	V. 1	NAM	68	1314
5635	ẤN ĐỘ	- 1	"	47	1551
4037	AI CẬP	- 1	"	70	1143
2824	Đảo CRETE	- 4	"	37	830
1907	Ả RẬP	- 2	"	45	1338
Sau Công nguyên 524	HI LẠP	- 4	"	70	2301
1847	ANH QUỐC	- 5	"	87	

Hình 30

Cả bốn dĩ nhiên đã trải qua nhiều trăm kiếp, nhưng với mục đích nghiên cứu, ta chỉ khảo cứu những kiếp mới gần đây. Bốn đối tượng này thuộc về lớp linh hồn có văn hóa, nhưng việc nghiên cứu những qui luật chi phối sự tiến hóa của họ cũng cho ta biết một số sự kiện liên quan tới việc luân hồi của hai lớp kia, là lớp chất phác và chậm tiến hóa.

Xét theo những chi tiết đặc thù được trình bày về nơi sinh, năm sinh, giới tính, giống dân của kiếp nhập thể cùng với thời gian trải qua giữa hai kiếp nhập thể ta có thể suy ra những điều sau đây:

1. Trong những linh hồn có văn hóa lại có hai loại hình phụ: một là những linh hồn có thời kỳ trung bình giữa lúc chết và tái sinh vào khoảng 1200 năm (các đối tượng A, B, và D trong hình 30-31 và 33); còn loại kia có thời khoảng giữa hai kiếp nhập thể chỉ vào khoảng 700 năm (Đối tượng C Hình 32). Thời khoảng giữa hai kiếp nhập thể phần lớn diễn ra trên cõi hạ trí tức cõi "Devachan" và sinh hoạt lâu dài ở đó là tùy theo số lượng và cường độ hoài bão trong khi còn sinh hoạt trên cõi trần. Trong trường hợp những linh hồn chậm tiến và chất phác thì sống trong thể xác khoảng 60 năm ắt tạo ra một lực tâm linh mang lại sinh hoạt trên cõi Devachan, đối với loại chậm tiến từ 5 tới 50 năm, còn đối với loại chất phác vào khoảng 2 - 3 thế kỷ; tuy nhiên nếu sinh hoạt trên cõi trần ngắn ngủi chẳng hạn như chết yếu lúc tuổi còn ấu thơ hoặc niên thiếu thì sinh hoạt trên cõi Devachan sẽ ngắn hơn nhiều vì lực tâm linh được sản sinh ra ắt có số lượng nhỏ hơn.

ĐỐI TƯỢNG B - 24 KIẾP VỪA QUA					
TUỔI THỌ TRUNG BÌNH TRÊN CỖI TRẦN 53 TUỔI RƯỢT THỜI GIAN TRUNG BÌNH GIỮA 2 KIẾP NHẬP THỂ 1017 NĂM 3/4					
NĂM SINH	NOT SINH	GIỐNG DÂN	GIỚI TÍNH	TUỔI THỌ	Giữa hai kiếp sống
B.C.23875	HAWAII	IX.2	NAM	60	637
22978	MADAGASCAR	" 2	NỮ	57	713
22208	MALACCA	" 7	"	56	612
21540	S. INDIA	" 1	"	36	0
21504	S. INDIA	" 2	"	48	0
21456	S. INDIA	" 2	"	64	1775
19617	BACTRIA	" 4	NAM	71	1245
18301	MOROCCO	" 5	"	67	1006
17228	POSEIDONIS	" 6	"	91	1447
15690	TARTARY	" 7	"	58	1125
14507	CANADA	" 1	"	56	780
13671	POSEIDONIS	" 2	NỮ	38	1543
12090	PERU	" 3	"	85	2313
9686	CHINA	" 4	"	13	70
9603	POSEIDONIS	" 5	"	39	1239
8325	L'ETRURIA	" 6	"	65	1502
6758	TARTARY	" 7	"	52	1007
5629	INDIA	V.1	"	62	1552
4015	EGYPT	" 1	NAM	71	1208
2735	S. AFRICA	" 2	"	48	809
1879	PERSIA	" 3	"	17	341
1521	ASIA MINOR	" 4	"	31	991
499	GREECE	" 4	"	75	2020
A.D. 1597	VENICE	" 4	"	23	276
1896	U. S. A.	" 5	"	"	"

Hình 31

Trong trường hợp đa số linh hồn có văn hóa thì một kiếp sống trên cõi trần 60 năm có thể cần tới 1000 năm đến 1200 năm sinh hoạt nơi có cõi Devachan; thời khoảng này tùy thuộc vào số lượng thần lực cần chuyển hóa thành năng lực. Tuy nhiên trong đám linh hồn có văn hóa, có một nhóm nhỏ thuộc loại đối tượng C trong Hình 32; mặc dù họ vẫn có thể sản sinh ra cùng một số lượng thần lực hoài bão như những người khác cần sinh hoạt tới 12 thế kỷ trên cõi Devachan, thế nhưng họ đã cô đọng sinh hoạt trên cõi trời của mình thành ra chỉ vào khoảng bảy thế kỷ.

2.- Các linh hồn có văn hóa thuộc loại hình phụ thứ nhất trong mỗi chu kỳ sinh ra ít nhất hai lần trong mọi phân chủng của một Căn chủng và thường thường theo đúng thứ tự bằng số. Khi ta xét Đối tượng A trong Hình 30, ta thấy y sinh ra năm 23.650 trước Công nguyên trong phân chủng thứ nhất thuộc Căn chủng Atlante; những kiếp sau đó y sinh ra trong các phân chủng khác theo đúng thứ tự. Đến kiếp nhập thể trong phân chủng thứ sáu y đổi giới tính. Sau kiếp sinh hoạt trong phân chủng thứ bảy y lại trở về phân chủng thứ nhất, để rồi sinh ra trong phân chủng kế tiếp theo thứ tự bằng số. Khi trở lại các phân chủng này y đổi giới tính trong các phân chủng thứ nhì và thứ năm. Khi y sinh ra lần thứ nhì trong các phân chủng thì y bỏ qua phân chủng thứ bảy; khi y hoàn toàn bỏ qua một phân chủng thì đó là vì linh hồn đã thủ đắc được ở đâu đó rồi những đức tính thường thường chỉ thu hoạch được trong giống dân ấy. Trong trường hợp Đối tượng A, hiển nhiên một kiếp nhập thể trong phân chủng thứ bảy cũng đủ thu hoạch từ đó điều mà y cần tới. Cũng giống như vậy, khi sinh hoạt trong một phân chủng được lặp lại nhiều hơn hai lần thì kiếp nhập thể phụ trội ấy cần thiết cho linh hồn để hoàn tất chủ đích đã được hoạch định.

ĐỐI TƯỢNG C - 30 KIẾP VỪA QUA

TUỔI THO TRUNG BÌNH TRÊN CỜ TRẦN 33 NĂM 1/3
THỜI GIẢN TRUNG BÌNH GIỮA 2 KIẾP NHẬP THỂ 706 NĂM

NĂM SINH	NƠI SINH	GIỚI DÂN	GIỚI TÍNH	TUỔI THO	Giữa hai kiếp sống
0.0.2262	INDIA	Đ. 2	NỮ	84	879
21753	INDIA	- 4	-	77	275
21367	INDIA	- 2	NAM	85	808
20874	INDIA	- 3	-	109	911
19644	CHINA	- 4	-	83	409
18883	CENTRAL ASIA	V. 1	-	75	527
18209	AFRICA	Đ. 5	-	71	674
17444	CENTRAL ASIA	V. 1	-	66	324
16816	POSEIDONS	Đ. 6	-	84	727
15993	CENTRAL ASIA	V. 1	NỮ	58	533
15402	INDIA	- 1	-	75	779
14551	INDIA	- 1	-	91	809
13651	POSEIDONS	Đ. 2	-	82	632
12877	INDIA	V. 1	NAM	82	702
12053	PERU	Đ. 3	-	86	821
11182	INDIA	V. 1	-	71	682
10412	INDIA	- 1	-	72	684
9672	POSEIDONS	Đ. 5	-	86	811
8775	INDIA	V. 1	-	83	844
7842	INDIA	- 1	-	76	788
6986	EGYPT	- 1	NỮ	72	945
6084	INDIA	- 1	-	13	312
5633	INDIA	- 1	-	49	640
4870	INDIA	- 1	-	69	866
4036	EGYPT	- 1	-	73	907
3053	INDIA	- 1	NAM	84	798
2180	INDIA	- 1	-	36	386
1528	PERSIA	- 1	-	47	511
650	INDIA	- 1	-	74	1483
A.B. 814	INDIA	- 1	-	78	1201
1835	INDIA	- 1	-	-	-

Loại hình phụ thứ nhì mà đại diện là Đối tượng C ắt cũng phải tuân theo một quy luật tổng quát nào đấy, nhưng khi ta tham khảo Hình 32 thì không thể suy ra được một quy luật như thế; chắc chắn là về sau này khi ta đã khảo sát thêm những cá thể khác thuộc cùng một loại hình phụ ấy thì ta ắt có thể hiểu được một quy luật nào đó.

3.- Xét về giới tính của thể xác thì ta có thể nhận xét rằng, bốn cá nhân này thay đổi rất nhiều. Một kiếp nhập thể làm đàn ông hoặc đàn bà là vì mục đích thủ đắc những đức tính để phát triển nơi giới tính này hơn là giới tính kia. Tuy nhiên vì khả năng đồng hóa kinh nghiệm biến thiên đối với những linh hồn khác nhau và hơn nữa vì nhu cầu thay đổi khi trải qua các kiếp sống, cho nên không có một quy tắc cứng nhắc nào về số kiếp nhập thể trong mỗi giới tính. Thường thường thì không ít hơn ba kiếp trước khi đổi sang giới tính khác; nhưng cũng có ngoại lệ và ta thấy Đối tượng A sau một loạt ba kiếp làm đàn ông bèn chuyển sang hai kiếp làm đàn bà, Thế rồi lại trở về giới tính nam. Người ta đã quan sát thấy trường hợp một linh hồn có tới chín kiếp làm đàn bà.

ĐÔI TƯỢNG D - 17 KIẾP VỪA QUA					
TUỔI THỌ TRUNG BÌNH TRÊN TRẦN THỂ 55 NĂM RƯỢT					
THỜI GIAN TRUNG BÌNH GIỮA 2 KIẾP NHẬP THỂ 1264 NĂM					
NĂM SINH	NƠI SINH	GIỐNG DÂN	GIỚI TÍNH	TUỔI THỌ	Giữa hai kiếp sống
B.C. 19,245	CHALDEA	IV. 6	NAM	76	2022
17,147	EGYPT	" 5	"	72	1787
15,288	POSEIDONIS	" 3	"	44	498
14,746	ESKIMO	" 7	NỮ	55	653
14,038	N.AMERICA	" 2	"	62	1187
12,089	PERU	" 3	"	85	2367
9,637	CHINA	" 4	"	12	22
9,603	N.ATLANTIS	" 5	"	39	995
8,569	ETRURIA	" 6	"	59	1053
7,457	JAPAN	" 7	"	65	1513
5,879	EGYPT	V. 1	NAM	75	1772
4,032	INDIA	" 7	"	45	1829
2,158	ARABIA	" 2	"	68	1517
573	PERSIA	" 3	"	12	41
520	ATHENS	" 4	"	71	1952
A.D. 1,503	GERMANY	" 5	"	19	328
1,850	ENGLAND	" 5	"	83	

Hình 33

4.- Không có một nguyên tắc tổng quát nào suy ra được về tuổi thọ trong thể xác. Thời gian lúc sinh ra được ấn định bởi việc chấm dứt sinh hoạt trên cõi trời; còn thời gian chết thường được ấn định trước do các “Nghệp quả Tinh Quân” là những Thiên sứ thực thi Thiên cơ với nhiệm vụ điều chỉnh nghiệp thiện và nghiệp ác trong quá khứ và hiện tại của con người, sao cho do chúng tương tác mà tương lai mới có thể đạt được kết quả tối ưu. Mạng sống có thể bị kết liễu sớm do tai nạn hoặc bệnh tật, nếu các ngài thấy rằng đó là điều tốt nhất cho sự tiến hóa tương lai của linh hồn; mặt khác nếu cần có một mạng sống kéo dài để cho linh hồn thử thách được một năng lực nào đấy thì sinh mạng sẽ được điều chỉnh theo mục tiêu ấy.

Mặc dù những diễn biến chính và sự kết liễu một kiếp nhập thể do các Đấng được Thượng Đế ủy nhiệm để an bài “Nghệp” của linh hồn - nghĩa là tùy theo những sự phục vụ mà linh hồn này dành cho những người khác cũng như người khác phục vụ lại y, đó là kết quả của những kiếp quá khứ - song kế hoạch chung có thể bị biến đổi do chính cá nhân đề xướng ra một sáng kiến hoặc những người khác trực tiếp tác động ảnh hưởng lên y. Chẳng hạn như khi chết do tai nạn, thì đó thường là sự kết liễu mà các Nghiệp quả Tinh quân đã dự trù cho kiếp nhập thể ấy; nhưng có khi nghiệp không dự tính như vậy, và vì thế sự bất đắc kỳ tử do tai nạn là một sự can thiệp của những lực mới tác động lên kiếp sống người ấy. Trong trường hợp như thế, thì kế hoạch bị xáo trộn sẽ được điều chỉnh lại vào lúc khởi đầu kiếp tới sao cho không có điều gì bị mất đi trong cứu cánh của linh hồn mà số phận đã nhất thời bị người khác làm thay đổi.

Không có trường hợp nào kiếp sống con người được dự trù là tự tử; vì linh hồn chịu trách nhiệm trực tiếp về hành vi ấy, mặc dù những người khác cũng có thể chia sẻ trách nhiệm đó. Có nhiều dạng tự tử, một số để trốn tránh hậu quả của việc làm bậy, một số do bị loạn trí, còn một số do những động cơ thúc đẩy cao thượng. Nghiệp quả ắt tùy theo nguyên nhân và động cơ thúc đẩy của việc tự tử.

Đối với những linh hồn thuộc hai lớp người chật phác và chậm tiến thì luật luân hồi được biến đổi sao cho họ sẽ sinh ra trở đi trở lại trong một phân chủng trước khi chuyển sang phân chủng kế tiếp. Điều này hoặc do họ không thể đạt được sự trải nghiệm cần thiết trong vòng 2 - 3 kiếp sinh hoạt nơi một phân chủng. Thời kỳ giữa hai kiếp nhập thể đôi khi

chỉ có vài năm mặc dù nó có thể kéo dài tới 2 - 3 thế kỷ. Thật ra lớp người có văn hóa xét về trình độ tiến hóa chung thì đã trải qua nhiều triệu năm vượt trước những lớp người kia. Thế nhưng sự lạc hậu của hai lớp người 4 và 5 không phải do họ có điều gì gian tà, đó chỉ là vấn đề tuổi tác của linh hồn; họ là những linh hồn còn non trẻ. Với một quan niệm cởi mở hơn về cuộc đời và những thiện cảm bao quát hơn vốn hiện nay là tự nhiên đối với linh hồn có văn hóa thì một ngày nào đó các linh hồn chất phác và chậm tiến cũng có thể có được. Trong kiếp sống vô tận của linh hồn thì sớm muộn gì sự tăng trưởng cũng đến với tất cả.

Khi nhìn vào những biểu đồ sinh hoạt này và nhận xét về những chi tiết đặc thù trong đó bao gồm nơi sinh, ngày tháng sinh và giống dân thì ta có thể thắc mắc làm cách nào mà nhà khảo cứu huyền bí lại chắc chắn được về bất kỳ chi tiết nào nêu trên. Làm sao người ta biết chắc được một người đàn ông ở Poseidonis (Đôi tượng D) và một người đàn bà Eskimo trong kiếp tới lại thuộc về cùng một linh hồn?

Công nhận là có Trí nhớ của Thượng Đế thì làm sao ta có thể tìm ra được những điều này?

Thắc mắc như vậy cũng tự nhiên thôi, và lời giải đáp có lẽ cũng minh định rằng phương pháp khảo cứu huyền bí cũng không khác biệt với những phương pháp mà nhà khoa học ngày nay sử dụng. Việc định vị bất cứ bộ phận nào trên trái đất là nơi sinh của một cá nhân không phải là chuyện khó; nhà nghiên cứu ắt thấy được đũa trẻ sinh ra đời, thế rồi y phải nhìn xung quanh ra các xứ sở lân bang để ý xem nó quan hệ ra sao với biển, núi, sông hồ; lúc bấy giờ kiến thức thời nay về địa lý đã giúp cho y định vị được nơi ấy. Nếu thời kỳ này đã xa xưa và cấu hình bề mặt của địa cầu đã khác đi rồi thì y phải nhất thời xem xét nơi chôn mà nó xảy ra việc ấy; kế đó y phải tiếp xúc với Trí nhớ Thượng Đế *cũng như địa điểm đó*, nhưng thuộc về những thời đại lịch sử sau này hoặc thậm chí thời nay nữa; lúc bấy giờ y có thể biết rằng các nhà địa lý thời nay gọi chỗ ấy là gì.

Để biết được giống dân chính và giống dân phụ thì người ta cần phải nghiên cứu trước khá nhiều về dân tộc học. Đối với người đã du hành lịch lãm thì y không mấy khó khăn cũng phân biệt được người Tàu với người Nhật, hoặc thậm chí người Pháp gốc Celt và người Ý gốc Celt hoặc phân biệt người Na Uy với người Anh. Tương tự như vậy, nhận xét về những đặc thù của giống dân và nhất là về những biến thiên trong thành phần cấu tạo của các thể hữu hình tinh vi thuộc các phân chủng ắt khiến cho người nghiên cứu tìm ra được thông tin mà mình mưu tìm.

Việc ấn định ngày tháng là chuyện khó khăn hơn. Khi người khảo cứu giải mã Trí nhớ của Thượng Đế thì y có thể quan sát các diễn biến trên trần thế nhanh chậm tùy ý. Nếu muốn y có thể quan sát những diễn biến trong một ngày cách đây đã lâu rồi từng phút một trong quá trình chỉ vài giây, y có thể nhanh chóng nhận xét lướt qua mùa hè, mùa thu, mùa đông và mùa xuân, rồi lại mùa hè một lần nữa ở bất cứ chỗ nào mà mình chọn và như vậy đếm được thời gian theo mùa. Nếu muốn thật là chính xác thì y phải quan sát các mùa trôi qua, nhanh chóng đếm thời gian trôi qua từng năm một.

Chẳng hạn như trong giới hạn thời hữu sử thì nếu y đang quan sát một cảnh tượng ở Ai Cập và muốn biết ngày tháng năm thì có lẽ y cần quan sát một nghi lễ triều đình nào đấy, ghi nhận tên của vị Pharaoh do một người nào đấy thốt nên, thế rồi tham khảo một quyển bách khoa từ điển để tìm ngày tháng năm trị vì của ông vua đó. Ở Hy Lạp, khi có thể cần phải nhìn xem ai đó viết thư hoặc viết tài liệu, rồi để ý con số của kỳ vận hội Hi Lạp y có thể dựa vào một diễn biến nổi tiếng nào đấy như trận chiến Marathon, rồi đếm số năm tính từ đó tới diễn biến mà mình đang chú ý. Ở La Mã khi phải tìm ra một người chép tài liệu “đang ghi ngày tháng lên một bức thư năm này tháng này đã lập nên Thành thị này” hoặc y có thể tìm ra ngày tháng năm bằng cách quan sát một buổi thảo luận ở Nghị viện và lưu ý

tên tuổi những vị Cháp chính trong năm đó, thế rồi tìm ra ngày tháng năm từ một niên biểu lịch sử. Đôi khi y sẽ đếm ngược hoặc đếm xuôi từ một cột mốc thời gian, chẳng hạn như châu Atlantis bị chìm năm 9.654 trước Công nguyên - thời gian ấy đã được y ấn định một lần cho dứt khoát qua việc đo đếm trước kia. Khi cần tính tới cả trăm ngàn năm thì người khảo cứu cần biết một điều gì đó về thiên văn học để tính được những thời kỳ lớn qua vị trí tương đối của sao Bắc đẩu đối với trục trái đất. Cũng giống như đối với việc nghiên cứu khoa học hiện đại; giá trị của công trình khảo cứu huyền bí tùy thuộc vào việc quan sát kỹ lưỡng, trình độ văn hóa tổng quát và năng lực trình bày những quan sát của mình một cách có hệ thống.

Muốn nhận diện được một linh hồn trong các kiếp nhập thể khác, nhà nghiên cứu cần thận không bao giờ được phép sai lầm khi nhận diện linh hồn. Quả thật là thể xác của đôi tượng khác nhau từ kiếp này qua kiếp kia, nhưng thể linh hồn, Thẻ Nguyên nhân trong đó có Thẻ Hào quang không bao giờ thay đổi. Một khi nhà khảo cứu đã nhận thấy được dáng vẻ của thể linh hồn trường tồn thì y sẽ nhận diện được nó hết kiếp này sang kiếp khác cho dù thể xác tạm bợ mà nó ngự trong đó thay đổi đến đâu đi chăng nữa. Chính cái Thẻ Nguyên nhân này mới là cột mốc nhận diện chính xác chắc chắn, và nó vẫn y như vậy cho dù thể xác là của một đứa trẻ sơ sinh, một ông già đã sắp xuống mồ gần đất xa trời.

Trong chương này, ta còn phải xét tới hai biểu đồ khác nữa. Đó là các Hình 34 và 35

B	A	A	C
		Chồng	Vợ
Vợ	Chồng	Anh rể	Anh rể
Ông cố	Chắc	Anh em	Anh em
		Anh em * sinh đôi	Anh em * sinh đôi
		Vợ	Chồng
Con trai	Mẹ		
Mẹ	Con trai	Chồng	Vợ
Anh em	Anh em	Anh em	Anh em
Mẹ	Con gái f nuôi		
		Cha	Con gái
Vợ	Chồng	Anh em * sinh đôi *	Chi em * sinh đôi
Anh em	Anh em	Người yêu	Người yêu
Con trai nuôi	Cha		
Con trai	Cha		
Bạn bè	Bạn bè	Bạn bè	Bạn bè

Hình 34

CÁC ĐỐI TƯỢNG - E và F		
NƠI SINH	E	F
ATLANTIS	ANH EM KẾT NGHĨA	ANH EM KẾT NGHĨA
ẤN ĐỘ	CHỒNG	VỢ
BẮC ÂU	CHỒNG	VỢ
PERU	CHA	CON GÁI
—	MẸ	CON TRAI
BA TƯ	VỢ	CHỒNG
BẮC MỸ	BẠN BÈ	BẠN BÈ
ASSYRIA	TU SĨ	Con gái mở cõi sống trong ĐỀN THỜ
ẤN ĐỘ	CHỒNG	VỢ
AI CẬP	NGƯỜI YÊU	NGƯỜI YÊU
Ả RẬP	NGƯỜI YÊU	NGƯỜI YÊU
Kiểu dân HI LẠP	—	ĐÀN BÀ
LA MÃ	CHỒNG	VỢ
NGÀY NAY	ĐÀN ÔNG "ĐÀN HẬP LƯU" (CHUNG TẬP)	ĐÀN BÀ

Hình 35

Ba linh hồn A, B và C mà ta đã nghiên cứu có liên quan mật thiết do những ràng buộc về duyên ái, những ràng buộc đã được tạo ra từ cách đây nhiều kiếp rồi. Mỗi linh hồn tiến hóa do áp lực của chu kỳ Vĩnh hằng riêng của mình, nhưng y không bước trên đường tiến hóa lên tới Thượng Đế một mình mà đồng hành với những linh hồn khác khiến y cần học cách yêu thương. Bao giờ cũng có một sự ràng buộc chân chính duyên ái sâu sắc giữa các linh hồn chứ không chỉ những lớp vỏ trên cõi trần; và cho dù những lúc vỏ thể xác ấy có ra sao đi chăng nữa thì bình thường vẫn lóe lên thông qua chúng đi từ linh hồn này sang linh hồn khác. Những mối quan hệ về thể xác chỉ quan trọng thứ yếu; quyền năng yêu thương duy nhất ở nhiều chiều đo luôn luôn biểu lộ thành tình thương và việc phụng sự bất chấp cái hiện thể trần tục và các Nghiệp quả Tinh quân đã dành cho nó.

Trong ba đối tượng A, B và C thì A, B thuộc về loại hình phụ linh hồn văn hóa sinh hoạt 1.200 năm trên cõi Devachan, còn C thuộc về loại hình phụ thứ nhì mà thời khoảng giữa hai kiếp sống chỉ là 700 năm. Rõ ràng A và B không thể xuất hiện trong mọi kiếp sống của C, nếu cả hai không chết vào một kiếp sống nào đó ở cái tuổi khiến cho họ chỉ sinh hoạt 700 năm trên cõi Devachan. Điều thật sự xảy ra được trình bày trong Hình 34. Trong thời khoảng C trải qua 31 kiếp nhập thể thì A chỉ trải qua 19 kiếp nhập thể, còn B chỉ trải qua 23 kiếp nhập thể. Trong kiếp nhập thể đầu tiên của A thuộc loạt này, A gặp C và kết duyên chồng vợ; nhưng trong kiếp ấy A không gặp người bạn cố tri là B. Khi A tái sinh vào kiếp kế tiếp thì y trở thành chồng của B và anh em rể của C; nhưng trong thời gian ấy B có ba kiếp nhập thể và C một kiếp nhập thể không gặp lại A. Khi nghiên cứu biểu đồ ta ắt thấy trong vòng 31 kiếp, C gặp A mười hai lần và gặp cả A lẫn B chỉ tám lần. Mỗi ràng buộc giữa A và C đặc biệt mạnh mẽ như ta thấy theo biểu đồ; bất chấp mối quan hệ về thể xác - là chồng vợ hoặc vợ chồng, là anh chị em hoặc là người yêu mà cuộc tình không được suôn sẻ, cho nên không cưới được nhau - linh hồn vẫn nói chuyện được với linh hồn. Có một lần B đóng vai một người phụ nữ nhận A là một cô gái nhỏ làm con nuôi; món nợ ấy sau này được trả lại khi A đóng vai người đàn ông nhận một cậu bé trai là B làm con nuôi.

Trong 14 kiếp của các Đối tượng E và F ở Hình 35 mà họ gặp nhau, ta thấy sự ràng buộc của tình yêu xuất hiện dưới nhiều dạng khác nhau. Khi E thay đổi giới tính và có hai kiếp làm đàn bà thì cô người yêu F của E cũng thay đổi giới tính thành đàn ông, Trước hết

thành con trai của E rồi thành chồng của E. Khi F thay đổi giới tính có ba kiếp làm đàn ông thì ở kiếp thứ ba F gặp anh trai của mình là E; giữa hai người đàn ông này lại sinh ra một mối ràng buộc bất thường đầy thiện cảm và luyến ái. Trong kiếp kế tiếp E là tu sĩ thì có một cô gái nhỏ mồ côi được mang đến cho E nhận vào đền thờ; chẳng cần nhiều tháng trôi qua thì họ đã trở thành những người bạn nối khố, vị tu sĩ trở thành cha đỡ đầu và cha linh hứng của cô gái. Rồi tới một kiếp khi họ trở thành vợ chồng, rồi lại hai kiếp họ hội ngộ, tình yêu nảy sinh giữa đôi bên, nhưng mối tình ấy cũng không được suôn sẻ. Thế rồi lại tới một kiếp F không gặp được người yêu của mình, nhưng họ gặp nhau trở lại kết thành vợ chồng ở La Mã. Trong kiếp này họ chưa hề gặp nhau; mặc dù kế hoạch của Đấng cầm cân Nhân quả dành cho mỗi người đã giữ cho họ kiếp này nghìn trùng xa cách nhưng sự ràng buộc giữa linh hồn với linh hồn mạnh mẽ không bị cắt đứt, khiến cho họ sẽ gặp nhau trong những kiếp tương lai để lại kết duyên chồng vợ, cha con hoặc bạn bè. Một lần nữa họ sẽ là những người yêu nhau thật sự có thể đạt được cái tình yêu nhiều chiều kích biểu hiện ra thành sự tận tụy và hy sinh cho đối tượng mình yêu thương qua bất cứ cái phương tiện nào mà các Đấng cầm cân Nhân quả đã an bài.

Trong Hồi một, thì trên Trần thế này, đó là một sân khấu u buồn biết bao với những nỗi khôn khổ.

Tất cả các bạn khác đều đau bệnh trước những màn trình diễn thay đổi liên tục ấy.

Thế nhưng, các bạn hãy kiên nhẫn. Trong Hồi năm của vở tuồng, nhà viết kịch có thể chứng minh cho ta thấy cái Vở tuồng điên dại này ngụ ý là gì.

Cuộc đời, nếu không tìm ra manh mối là thuyết Luân hồi thì thật điên dại, quả đúng là một vở tuồng điên dại như Tennyson đã từng có lần ra vẻ như vậy bất chấp đức tin Kitô giáo của mình. Một tiến trình tàn bạo là Tiến hóa chỉ quan tâm tới loại hình mà không màng tới cuộc sống cá biệt. Nhưng xét vì cái Sự Sống bất diệt và bất tử ấy cũng tiến hóa cho nên tương lai của mỗi cá thể quả thật là xán lạn. Theo sự minh giải của thuyết Luân hồi thì sự chết mất đi cái vẻ nhứt nhối của nó và nắm mộ mất đi cái vẻ đặc thặng hủ hê của nó; vì người ta mãi mãi tiến lên trở thành Thượng Đế, tay nắm tay những người mà mình yêu thương và chẳng bao giờ sợ cảnh ái biệt ly. Hữu hoại chẳng qua là một vai tuồng mà linh hồn phải đóng trong một lúc nào đó; khi vở tuồng đã đóng xong, khi đã trải qua mọi kiếp sống rồi chui qua mọi cánh cửa tử thì linh hồn bắt đầu số phận của mình là một Chơn sư Minh triết, là Hình bóng của Thượng Đế trên trần thế, thậm chí là “Ngôi Lờ thể hiện thành xương thành thịt”. Đối với tất cả chúng ta cho dù hiện nay đã có văn hóa hay còn dã man thì đây chính là tương lai đang chờ đón chúng ta, niềm vinh quang sẽ được khai huyền.